

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021

*“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ;

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.  
Hiện đang lao động tại: Nhật Bản.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị M** trình bày: Chị và anh **Lê Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/3/2008. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng chủ yếu mâu thuẫn về công việc cũng như về kinh tế và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Năm 2018, anh T đi xuất khẩu lao động không nói cho chị biết, vợ chồng không liên lạc cho

nhau, không còn chia sẻ, gắn bó. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lê Thị Hải B, sinh ngày 22/11/2008 và Lê Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/12/2015. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên (tròn 18 tuổi), chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ anh T) xác định, anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, bà không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thỉnh thoảng liên lạc về gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Anh T có quan điểm nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị M nuôi dưỡng; anh xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị M, anh T cư trú và đăng ký kết hôn thể hiện: Chị M, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn chủ yếu là vợ chồng nghi ngờ nhau về kinh tế, anh T hiện đang lao động tại Nhật Bản, chị M bỏ về nhà đẻ ở. Nay chị M có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Lê Thị Hải B là con của chị M, anh T có nguyện vọng được ở với chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Hải B, sinh ngày 22/11/2008 và Lê Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/12/2015 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Lê Văn T nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và bà C. Bà C đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho anh T biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị M với anh T. Tuy nhiên anh T vắng mặt lần thứ hai và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/3/2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế vợ chồng không rõ ràng dẫn đến vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau. Anh T đi lao động nhưng không quan tâm đến gia đình vợ con, không liên lạc và không gửi tiền về cho chị nuôi con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị M ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn T có hai con chung là Lê Thị Hải B, sinh ngày 22/11/2008 và Lê Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/12/2015, hiện đang ở với chị M. Chị M có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy con chung của anh, chị hiện vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ; cháu Lê Thị Hải B có nguyện vọng được ở với chị M. Mặt khác anh T đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không

đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Lê Thị Hải B và Nguyễn Quỳnh A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Lê Thị Hải B, sinh ngày 22/11/2008 và Lê Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 07/12/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004794 ngày 26/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Trường**